

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 02-4-2021

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cải

2. Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 P, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Tùng – Chức vụ: Tổng giám đốc (Văn bản ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24-01-2019). Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Kim C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Nam Định (Văn bản ủy quyền số 225/ QĐ-DAB-PC ngày 19-03-2019).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Tiến T, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa ông Đặng Kim C có mặt, bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26-11-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP Đ (sau này gọi tắt là Ngân hàng Đ) là ông Đặng Kim C trình bày:

Ngày 12-5-2017 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Nam Định đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00757047/0137825801T17002 với bà Nguyễn Thị N là Hội viên hội phụ nữ xã A, huyện T, tỉnh Nam Định. Hợp đồng tín dụng có nội dung chính như sau: Số tiền vay: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên. Mục đích vay vốn: đầu tư nuôi gà, ngan. Lãi suất 9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp theo từng kỳ đính kèm theo hợp đồng. Tại giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn ngày 20-3-2017 ông Mai Tiến T là chồng bà N đã ký nhận vào phần cam kết của người bảo lãnh xác nhận sẽ trả nợ thay cho bà N cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng Đ trong trường hợp bà N không thực hiện đúng và đủ trả nợ hàng kỳ cho ngân hàng.

Thực hiện hợp đồng trên, ngày 12-5-2017, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Thành phố N đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N mở tại Ngân hàng Đ – chi nhánh Nam Định với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, cùng ngày bà N đã thực hiện việc rút khoản vay vốn theo hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình vay tính đến ngày 17-9-2018 bà N đã thanh toán cho Ngân hàng Đ tổng số tiền là 13.320.000 đồng (trong đó tiền gốc là 12.126.155 đồng, lãi trong hạn là 1.153.845 đồng, lãi quá hạn là 40.000 đồng) sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả gốc lãi theo kỳ.

Sau khi bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Đ – Chi nhánh Thành phố N đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/4/2021) là 12.164.795 đồng (trong đó nợ gốc: 7.873.845 đồng, lãi trong hạn: 646.155 đồng, lãi quá hạn: 3.644.795 đồng) và tiền lãi phát sinh đến ngày bà Nguyễn Thị N trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo lãi suất quá hạn đã được quy định trong hợp đồng số 00757047/0137825801T17002 ngày 12-5-2017.

Tại phiên tòa ông Đặng Kim C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền trích tiền từ lương hoặc kê biên phát mãi các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà N và ông T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện trả nợ. Trường hợp lương và phát mãi các tài sản của bà N và ông T không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Đ thì bà N và ông T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Ngân hàng TMCP Đ sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

- Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T tuy nhiên bà N, ông T không đến Tòa

án làm việc nên không có lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00757047/0137825801T17002 ngày 12-5-2017, mục đích vay: tiêu dùng. Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T có địa chỉ tại xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định tuy nhiên tại điều 13.1 của hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận mọi phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Tòa án nhân dân nơi Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam Định đặt trụ sở giao dịch giải quyết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng:

Giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00757047/0137825801T17002 ngày 12-5-2017 với số tiền vay 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên. Mục đích vay vốn: tiêu dùng. Lãi suất 9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp theo từng kỳ đính kèm theo hợp đồng. Như vậy Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Đ – chi nhánh Nam Định và bà Nguyễn Thị N là những chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các thỏa thuận về lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp với quy định của Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó căn cứ vào các điều 116, Điều 117, 118, Điều 119, Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật dân sự thì hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Đ – chi nhánh Nam Định và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp.

3.2 Về thực hiện hợp đồng:

Ngày 12-5-2017 Ngân hàng Đ - Chi nhánh Thành phố N đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N mở tại Ngân hàng Đ – chi nhánh Nam Định với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, cùng ngày bà N đã thực hiện việc rút khoản vay vốn theo hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 17-9-2018 bà N đã thanh toán cho Ngân hàng Đ tổng số tiền là 13.320.000 đồng (trong đó gốc là 12.126.155 đồng, lãi trong hạn là 1.153.845 đồng, lãi quá hạn là 40.000 đồng) sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả gốc lãi theo kỳ. Việc bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, do đó Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thanh toán nợ gốc lãi còn thiếu là có cơ sở, cần được chấp nhận. Tính đến ngày 02-4-2021 bà Nguyễn Thị N còn nợ tổng số tiền là 12.164.795 đồng (trong đó gốc: 7.873.845 đồng, lãi trong hạn: 646.155 đồng, lãi quá hạn: 3.644.795 đồng), Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ khoản nợ trên.

3.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị N phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

3.3 Về nghĩa vụ bảo lãnh:

Tại mục IV của Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ông Mai Tiến T đã ký vào phần cam kết của người bảo lãnh với nội dung: “trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho ĐôngA Bank, tôi sẽ trả thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại ĐôngA Bank.”. Xét thấy, cam kết bảo lãnh của ông Mai Tiến T tại mục IV của Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 20-3-2017 là phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 336 và Điều 342 của Bộ luật dân sự 2015, do đó trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện trả nợ thì ông Mai Tiến T phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà N cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ.

3.4 Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền trích tiền từ lương hoặc kê biên phát mãi các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T hành để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

Xét thấy: việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng Đ là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu trên của Ngân hàng TMCP Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 12.164.795 đồng x 5% = 608.239 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003390 ngày 27-11-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 12.164.795 (Mười hai triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc: 7.873.845 (bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, tiền lãi trong hạn: 646.155 (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn: 3.644.795 (ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00757047/0137825801T17002 ngày 12-5-2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị N phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện trả nợ thì ông Mai Tiến T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay khoản nợ của bà Nguyễn Thị N cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về việc Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền trích tiền từ lương hoặc kê biên phát mãi các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T hành để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

TMCP Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 608.239 (Sáu trăm linh tám nghìn hai trăm ba mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003390 ngày 27-11-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N.

4. Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Tiến T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị N, ông Mai Tiến T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Thành phố N
- Chi cục THADS Thành phố N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

